

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK R' LẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2362/QĐ-UBND

Đắk R'lấp, ngày 05 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư  
Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R' LẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD, ngày 31/12/2019 của Bộ xây dựng về việc Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 10/11/ 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu tái định cư Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp;

Căn cứ Quyết định số 1837/QĐ-UBND, ngày 05/05/2023 của UBND huyện Đắk R'lấp về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 15/05/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'lấp về việc thông qua đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp;

Căn cứ Văn bản số 972/SXD-QHKT&PTĐT, ngày 05/06/2023 của Sở xây dựng tỉnh Đắk Nông về việc góp ý 02 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái

định cư thôn 13, xã Đắc Wer và Khu tái định cư thôn Quảng Bình, xã nghĩa Thắng, huyện Đắc R'lấp (Khu số 2);

Căn cứ kết quả thẩm định số: *M3* /KQTD-KTHT, ngày 05/ 7 /2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'lấp;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án và phát triển quy đất tại tờ trình số 69/TTrQLDA&PTQĐ, ngày 19/6/2023 và Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại tờ trình số: *M4* /TTr-KTHT, ngày 05/ 7 /2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án: quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'lấp, với các nội dung chính như sau:

- Tên Đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'lấp.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắc R'lấp.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác ( Tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư của dự án thực hiện theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 23/06/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định cơ chế tài chính thực hiện dự án tái định cư do nhà đầu tư dự án có sử dụng đất tự nguyện ứng trước kinh phí để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Đắc Nông).

- Đơn vị tư vấn lập đồ án: Công ty TNHH xây dựng Ngọc Việt.

### 1. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích:

#### 1.1. Phạm vi ranh giới:

- Khu vực quy hoạch nằm tại thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp đất trồng cây lâu năm.

+ Phía Đông Nam: Giáp đất trồng cây lâu năm và đường hiện trạng.

+ Phía Tây Bắc: Giáp đất trồng cây lâu năm và đường Liên xã.

+ Phía Tây Nam: Giáp đất trồng cây lâu năm.

1.2. Diện tích nghiên cứu: Khoảng 4,53 ha.

### 2. Mục tiêu và đồ án của dự án:

#### 2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển không gian khu vực lập quy hoạch.

- Làm cơ sở pháp lý để lập dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Xây dựng khu dân cư với hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, giải quyết nhu cầu tái định cư cho các hộ dân trên địa bàn.



- Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất trên địa bàn xã Đắc Wer.

## 2.2. Đồ án:

- Xác định phạm vi ranh giới, diện tích khu vực để thiết kế quy hoạch chi tiết.  
- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan.

- Xác định tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, xác định chức năng, các chỉ tiêu kỹ thuật chính của từng loại hình sử dụng đất.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quy hoạch phục vụ cho nhu cầu đầu tư hoặc chủ trương đầu tư cụ thể, đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn xã, đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

- Đảm bảo tính kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung theo quy hoạch nông thôn mới và quy hoạch liên quan.

## 2.3 Tính chất:

Đây là khu dân cư hình thành mới, đáp ứng nhu cầu ở cho các hộ dân đủ điều kiện bố trí tái định cư liên quan đến công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án của Công ty Nhôm Đắc Nông – TKV.

## 3. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng:

Tổng diện tích đất khu vực nghiên cứu là: 4,53 ha.

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT									
Stt	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ XD tối đa (%)	Số Tầng cao (Tầng)	Hệ số sđđ	Tỷ Lệ (%)	Ghi chú	
<b>I</b>	<b>Đất ở</b>	<b>DO</b>	<b>19142,37</b>				<b>42,23</b>	<b>91</b>	<b>LÔ</b>
1	Đất ở	DO-01	2845,77	70	1-3	0.7-2.1	6,28	13	LÔ
2	Đất ở	DO-02	4566,57	70	1-3	0.7-2.1	10,07	22	LÔ
3	Đất ở	DO-03	4250,64	70	1-3	0.7-2.1	9,38	21	LÔ
4	Đất ở	DO-04	4199,18	70	1-3	0.7-2.1	9,26	22	LÔ
5	Đất ở	DO-05	1515,98	70	1-3	0.7-2.1	3,34	8	LÔ
6	Đất ở	DO-06	1208,19	70	1-3	0.7-2.1	2,67	5	LÔ
7	Đất ở dự trữ	DO-DT	556,04	70	1-3	0.7-2.1	1,23		
<b>II</b>	<b>Đất công cộng</b>	<b>CC</b>	<b>1306,22</b>	<b>40</b>	<b>1-2</b>	<b>0.4-0.8</b>	<b>2,88</b>		

<b>III</b>	<b>Đất cây xanh - mặt nước</b>	<b>CX</b>	<b>2838,24</b>				<b>6,26</b>		
1	Đất cây xanh hoa viên	CX	2097,79	5	1	0.05	4,63		
2	Đất mặt nước	MN	740,45				1,63		
<b>IV</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>HTKT</b>	<b>22039,87</b>				<b>48,62</b>		
1	Đất giao thông		20296,91				44,78		
2	Đất hạ tầng kỹ thuật cấp nước	CN	537,02	40	1-2	0.4-0.8	1,18		
3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		1205,94				2,66		
	<b>Tổng</b>		<b>45326,70</b>				<b>100,00</b>		

### 3.1. Đất ở:

- Các lô đất có kí hiệu: DO-01; DO-02; .....; DO-06 và DO-DT với tổng diện tích 19142,37m<sup>2</sup>.

- Kiến trúc: Không cần đồng nhất mặt đứng công trình nhưng hình thức kiến trúc không được rườm rà, có thể sử dụng các loại hình nhà vườn thiết kế hiện đại cũng như màu sắc và vật liệu. Các nhà phải có giải pháp giếng trời thông gió và chiếu sáng tự nhiên. Có khoảng xanh bố trí xung quanh nhà. Kích thước lô đất điển hình 8x24m.

- Khoảng lùi: Đối với các đường trong khu quy hoạch: Chỉ giới xây dựng lùi vào 3m với chỉ giới đường đỏ.

- Mật độ xây dựng tối đa:  $\leq 70\%$

- Tầng cao: từ 1-3 tầng.

- Hệ số sử dụng đất: 0.7-2.1

### 3.2. Đất công cộng:

- Lô đất có kí hiệu: CC với tổng diện tích 1306,22m<sup>2</sup>.

- Xây dựng một công trình công cộng mang đậm đà bản sắc văn hóa Tây Nguyên, là nơi làm việc, quản lí, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.

- Kiến trúc: Xây dựng công trình với hình thức kiến trúc hài hòa với cảnh quan xung quanh, đề xuất xây dựng các khối công trình riêng lẻ.

- Khoảng lùi: Tối thiểu 5 m so với lộ giới. Cổng và phần hàng rào giáp hai bên cổng lùi sâu khỏi ranh giới lô đất, tạo thành chỗ tập kết có chiều sâu tối thiểu 4 m, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng của cổng.

- Mật độ xây dựng:  $\leq 40\%$ .

- Tầng cao: Từ 1- 2 tầng.

- Hệ số sử dụng đất: 0.4-0.8.

### 3.3. Đất cây xanh:

- Gồm đất cây xanh trong khu ở.

- Đất cây xanh gồm các lô đất có kí hiệu: CX; với tổng diện tích 2838,24m<sup>2</sup>.

- Khoảng lùi: Tối thiểu 5m so với lộ giới. Cổng và phần hàng rào giáp hai bên cổng lùi sâu khỏi ranh giới lô đất, tạo thành chỗ tập kết có chiều sâu tối thiểu 4 m, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng của cổng.



- Mật độ xây dựng:  $\leq 5\%$ .
- Tầng cao: Từ 0-1 tầng.
- Hệ số sử dụng đất: 0.00-0.05

### 3.4. Đất hạ tầng kỹ thuật cấp nước:

- Gồm đất hạ tầng kỹ thuật cấp nước có kí hiệu: CN với tổng diện tích 537,02m<sup>2</sup>.
- Mật độ xây dựng:  $\leq 40\%$ .
- Tầng cao: Từ 1- 2 tầng.
- Hệ số sử dụng đất: 0.4-0.8.
- Khoảng lùi: Tối thiểu 5m với chỉ giới đường đỏ, công và hàng rào hai bên công lùi 4m so với lộ giới, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng công.

### 4. Quy hoạch phân lô chi tiết:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH PHÂN LÔ CHI TIẾT								
Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ XD tối đa (%)	Số Tầng cao (Tầng)	Hệ số SĐĐ	Dân số (Người)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đất ở</b>		<b>19142,37</b>				<b>455</b>	
1	Đất ở (Lô diện hình 8x24)	DO-01	2845,77	70	1-3	0.7-2.1	65	
1.1	Đất ở (13 lô)	1	259,45	70	1-3	0.7-2.1		
1.2		2	248,72	70	1-3	0.7-2.1		
1.3		3	243,44	70	1-3	0.7-2.1		
1.4		4	255,10	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
1.5		5	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
1.6		6	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
1.7		7	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
1.8		8	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
1.9		9	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
1.10		10	227,97	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
1.11		11	215,44	70	1-3	0.7-2.1		
1.12		12	217,03	70	1-3	0.7-2.1		
1.13		13	218,62	70	1-3	0.7-2.1		
2	Đất ở (Lô diện hình 8x22)	DO-02	4566,57	70	1-3	0.7-2.1	110	
2.1	Đất ở (22 lô)	1	238,76	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
2.2		2	217,68	70	1-3	0.7-2.1		
2.3		3	212,40	70	1-3	0.7-2.1		
2.4		4	207,10	70	1-3	0.7-2.1		

2.5		5	201,83	70	1-3	0.7-2.1		
2.6		6	208,29	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
2.7		7	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.8		8	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.9		9	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.10		10	192,30	70	1-3	0.7-2.1		
2.11		11	195,71	70	1-3	0.7-2.1		
2.12		12	312,23	60	1-3	0.6-1.8		Lô góc
2.13		13	202,92	70	1-3	0.7-2.1		
2.14		14	204,51	70	1-3	0.7-2.1		
2.15		15	206,10	70	1-3	0.7-2.1		
2.16		16	207,69	70	1-3	0.7-2.1		
2.17		17	223,05	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
2.18		18	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.19		19	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.20		20	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.21		21	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
2.22		22	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3	Đất ở (Lô điển hình 8x24)	DO-03	4250,64	70	1-3	0.7-2.1	105	
3.1	Đất ở (21 lô)	1	279,75	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
3.2		2	199,10	70	1-3	0.7-2.1		
3.3		3	198,09	70	1-3	0.7-2.1		
3.4		4	197,08	70	1-3	0.7-2.1		
3.5		5	196,07	70	1-3	0.7-2.1		
3.6		6	231,16	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
3.7		7	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.8		8	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.9		9	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.10		10	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.11		11	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.12		12	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.13		13	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
3.14		14	182,06	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
3.15		15	246,83	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
3.16		16	170,48	70	1-3	0.7-2.1		
3.17		17	187,02	70	1-3	0.7-2.1		
3.18		18	197,48	70	1-3	0.7-2.1		
3.19		19	202,91	70	1-3	0.7-2.1		



3.20		20	207,17	70	1-3	0.7-2.1		
3.21		21	211,44	70	1-3	0.7-2.1		
4	Đất ở (Lô diện hình 8x24)	DO-04	4199,18	70	1-3	0.7-2.1	110	
4.1	Đất ở (22 lô)	1	203,58	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
4.2		2	191,01	70	1-3	0.7-2.1		
4.3		3	190,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.4		4	188,99	70	1-3	0.7-2.1		
4.5		5	187,98	70	1-3	0.7-2.1		
4.6		6	197,77	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
4.7		7	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.8		8	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.9		9	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.10		10	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.11		11	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.12		12	196,49	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
4.13		13	184,69	70	1-3	0.7-2.1		
4.14		14	183,68	70	1-3	0.7-2.1		
4.15		15	182,67	70	1-3	0.7-2.1		
4.16		16	181,66	70	1-3	0.7-2.1		
4.17		17	190,66	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
4.18		18	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.19		19	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.20		20	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.21		21	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
4.22		22	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
5	Đất ở (Lô diện hình 8x24)	DO-05	1515,98	70	1-3	0.7-2.1	40	
5,1	Đất ở (8 lô)	1	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
5,2		2	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
5,3		3	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
5,4		4	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
5,5		5	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
5,6		6	175,98	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
5,7		7	189,49	70	1-3	0.7-2.1		
5,8		8	190,51	70	1-3	0.7-2.1		
6	Đất ở (Lô diện hình 8x24)	DO-06	1208,19				25	
6,1	Đất ở (5 lô)	1	319,11	60	1-3	0.6-1.8		Lô góc
6,2		2	268,54	70	1-3	0.7-2.1		

6,3		3	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
6,4		4	192,00	70	1-3	0.7-2.1		
6,5		5	236,54	70	1-3	0.7-2.1		
7	Đất ở dự trữ	DO-DT	556,04	70	1-3	0.7-2.1		Lô góc
<b>II</b>	<b>Đất công cộng</b>	<b>CC</b>	<b>1306,22</b>	<b>40</b>	<b>1-2</b>	<b>0.4-0.8</b>		
<b>III</b>	<b>Đất cây xanh - thể dục thể thao</b>	<b>CX</b>	<b>2838,24</b>					
1	Đất cây xanh hoa viên	CX	2097,79	5	1	0.05		
2	Đất mặt nước	MN	740,45					
<b>V</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>HTKT</b>	<b>22039,87</b>					
1	Đất giao thông		20296,91					
2	Đất hạ tầng kỹ thuật cấp nước	CN	537,02	40	1-2	0.4-0.8		
4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		1205,94					
	<b>Tổng</b>		<b>45326,70</b>					

## 5. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

### 5.1. Giao thông

- Đường giao thông đối ngoại:

+ Đường liên xã: Lộ giới 19.5m, hè đường 2 bên 2x4.5m; mặt đường 2 bên 2x5.25m, nằm ở phía Tây tiếp giáp khu vực quy hoạch. Tiếp nối theo trục đường này về phía Bắc là hướng đi quốc lộ 14; phía Nam là hướng đi khu dân cư. Là trục đường giao thông chính của khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận. Ký hiệu mặt cắt 1-1.

+ Đường D2: Lộ giới 19.5m, hè đường 2 bên 2x4.5m; mặt đường 2 bên 2x5.25m; là trục đường kết nối đường liên xã đi xã Nhân Cơ nằm trong ranh dưới khu vực quy hoạch. Ký hiệu mặt cắt 1-1.

- Đường giao thông đối nội:

+ Đường D1, D3, D4, N1, N2: Lộ giới 13m, hè đường 2 bên 2x3m; mặt đường 2 bên 2x3.5m; là các trục đường phân lô nằm trong ranh dưới khu vực quy hoạch. Ký hiệu mặt cắt 2-2.

- Thiết kế nền đường:

+ Nền đường đắp: Đất cấp 3 chọn lọc lu lèn  $K \geq 0.98$ .

+ Nền đường đào: Lu lèn sử lý nền  $K \geq 0.98$  (30cm trên cùng đối với kết cấu áo đường dày trên 60cm và 50cm trên cùng đối với kết cấu áo đường nhỏ hơn 60cm) và lu lèn  $K \geq 0.95$  dưới 30cm hoặc 50cm tùy vào chiều dày kết cấu như trên.

+ Taluy nền đường đào 1/1, đắp 1/1.5.

- Kết cấu mặt đường:

+ Bê tông nhựa nóng chặt hạt trung dày 7cm, lu lèn  $K \geq 0,98$



- + Tuổi nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>
- + Cấp phối đá dăm loại 1 (D<sub>max</sub> = 25cm) dày 15 cm lu lèn K.=0,98.
- + Cấp phối đá dăm loại 2 (D<sub>max</sub> = 37.5cm) dày 18 cm lu lèn K.=0,98.
- + Nền đường lu lèn K>=0,98, E<sub>nền</sub> = 42,0Mpa.
- Kết cấu vỉa hè, bó vỉa.
- + Kết cấu vỉa hè:
  - \* Lát gạch Terrazzo dày 400x400x3.5cm.
  - \* Láng vữa xi măng M75 dày 2.5cm.
  - \* Đá 4x6 lót móng dày 10cm.
- + Kết cấu bó vỉa: Bềng BT M200 đổ tại chỗ với chiều dài 3m cắt khe co giãn, cho phép xe cộ lên xuống vỉa hè.
- Thiết kế nút giao thông: Thiết kế nút giao thông đơn giản cùng mức, bán kính bó vỉa R<sub>bv</sub>>=8m, cao độ thiết kế tại nút giao thông đảm bảo thoát nước mặt đường.

### **5.2. San nền chuẩn bị đất kỹ thuật xây dựng:**

- Dựa trên địa hình tự nhiên hiện trạng của khu đất, tính toán giải pháp san lấp cục bộ, bảm sát địa hình tự nhiên. Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi và tính kinh tế.
- Độ dốc san nền chính là độ dốc các tuyến đường giao thông bao quanh.
- Công tác san nền được tiến hành như sau:
  - Phân chia từng lô theo chức năng đã được quy hoạch dựa trên các đường giao thông.
  - San lấp mặt bằng cục bộ theo từng lô dựa trên các ô lưới 20m x 20m.
  - Khối lượng san nền của lô đất được tính toán theo lưới ô vuông công thức tính toán như sau:

+ Tổng khối lượng đào tính toán: 56231 m<sup>3</sup>

+ Tổng khối lượng đắp tính toán: 21211 m<sup>3</sup>

### **5.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt:**

- Nguyên tắc thiết kế:
  - + Tuân thủ các chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật, giữ ổn định nền xây dựng.
  - + Lựa chọn độ dốc công thỏa mãn:  $i_{min} \geq 1/D$  và phụ thuộc vào độ dốc địa hình.
  - + Nước mưa được thiết kế chảy đầy hoàn toàn  $h/d = 1$ . Chọn phương pháp nối ngang đỉnh công.
  - + Lựa chọn đường kính ống phải thỏa mãn công sau lớn hơn hoặc bằng công trước để tránh tình trạng dềnh nước. Với các đoạn công có nhiều tuyến nhánh đổ vào thì chọn thời gian tính toán của nhánh nào có thời gian lớn nhất để tính toán cho đoạn công đó.
  - + Phù hợp với cao độ nền.
  - + Thuận tiện cho việc bố trí các công trình kiến trúc.

+ Khoảng cách vệ sinh từ cống thoát nước mưa đến các công trình khác lấy theo quy định.

- Phân chia lưu vực: Nước mưa sẽ được thu gom tại các ô phố theo các trục đường giao thông, sau đó theo hệ thống cống đổ ra 2 lưu vực: Lưu vực chính đổ vào cửa xả và thoát ra ao hiện hữu phía Đông Nam khu quy hoạch. Với lưu lượng nhỏ, độ dốc đường trung bình thì lưu vực này đảm bảo thoát nước tốt. Hai là thoát về lưu vực phụ ở hướng Tây, thoát ra ao tự nhiên.

- Độ sâu chôn cống:

+ Độ sâu chôn cống ban đầu ảnh hưởng rất nhiều tới độ sâu chôn cống của toàn mạng lưới, chọn độ sâu chôn cống nhỏ nhất để đảm bảo có lợi về mặt kinh tế là vấn đề rất quan trọng. Bên cạnh đó cần đảm bảo yếu tố địa hình, độ dốc tối thiểu thoát nước và đây là các yếu tố sẽ ảnh hưởng đến độ sâu chôn cống.

+ Thông thường cống thoát nước phải đặt sâu là để đảm bảo cho nó không bị phá hoại do tác động cơ học gây nên, đồng thời nhằm để đảm bảo một độ dốc cần thiết. Trong những điều kiện thông thường độ sâu chôn cống không nhỏ hơn  $0,7m+d$ . Với  $d$  là đường kính cống thoát nước.

- Bố trí hệ thống thoát nước mặt:

+ Cống thoát nước dọc được bố trí nằm một bên dưới lòng đường, đường kính cống  $D600\div D800$ , kết hợp với các hố thu nước dẫn nước từ lưu vực chảy ra đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

+ Hệ thống thu nước ngang đường: Tại các vị trí hố ga tương ứng, bố trí hệ thống cống ngang đường  $D400$ , thu gom nước từ mặt đường thông qua hệ thống hố ga được bố trí dưới lòng đường sát mép bó vỉa.

+ Hệ thống thoát nước mặt sử dụng cống tròn bê tông ly tâm (BTLT).

- Vị trí thoát nước mưa: Nước từ lưu vực theo đường cống dọc  $D600\div D800$ . Lưu vực chính đổ vào cửa xả và thoát ra ao hiện hữu phía Đông Nam khu quy hoạch. Với lưu lượng nhỏ, độ dốc đường trung bình thì lưu vực này đảm bảo thoát nước tốt. Hai là thoát về lưu vực phụ ở hướng Tây, thoát ra ao tự nhiên.

#### **5.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện:**

- Điện trung thế: Nguồn điện cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ đường dây 22kV hiện có nằm cạnh khu quy hoạch. Xây dựng mới 340 mét đường dây 22kV đi ngầm dưới đường cấp.

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 250kVA cung cấp điện cho các khu đất ở trong khu quy hoạch. Điện sinh hoạt cấp cho các hộ dân được lấy từ tủ điện 0,4kV đặt trên vỉa hè, mỗi tủ cung cấp tối đa cho 10 hộ.

- Điện hạ thế:

+ Lưới điện hạ thế cấp điện cho các khu nhà.

+ Xây dựng mới 1.055 mét đường dây hạ thế đi ngầm dưới đường cấp.

- Hệ thống chiếu sáng đèn đường:



- + Xây dựng mới 1.273m đường dây chiếu sáng đi ngầm dưới mương cáp.
- + Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn Led chiếu sáng đường 100W - 150W, cao độ lắp đặt đèn là 10 mét. Tủ điều khiển chiếu sáng đặt tại các trạm biến áp phân phối.

#### **5.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:**

- Nguồn lấy từ hệ thống cáp trên đường gần khu vực quy hoạch, cáp đến các tủ cáp chính (MDF). Tủ cáp là loại tủ lắp đặt ngoài trời, thỏa mãn tiêu chuẩn chống thấm IP 55.
- Từ tủ cáp chính, cáp thông tin được đi nổi đến cáp tủ phân phối (IDF), từ đây cáp đến các thuê bao.
- Hệ thống thông tin được đi ngầm.

#### **5.6. Quy hoạch hệ thống cấp nước và PCCC:**

- Cấp nước sinh hoạt:
  - + Nguồn nước cấp cho khu quy hoạch: Lấy từ trạm cấp nước quy hoạch mới.
  - + Xác định mạng ống phân phối: Mạng lưới đường ống cấp nước cho khu vực quy hoạch: đường ống chính được thiết kế theo kiểu mạch vòng sử dụng ống U.PVC đường kính D110, đường ống nhánh thiết kế theo kiểu mạch cụt sử dụng ống U.PVC đường kính D60.
  - Cấp nước chữa cháy:
    - + Nguồn nước: Sử dụng chung nguồn nước với nguồn nước cấp cho sinh hoạt.
    - + Mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy được kết hợp với mạng lưới đường ống cấp nước sinh hoạt. Có dự kiến vị trí đặt các trụ cứu hỏa trên đường ống cấp nước đường kính D110 (Vị trí các trụ cứu hỏa có thể được điều chỉnh trong các dự án riêng).
    - + Trong các công trình, tùy theo tính chất và quy mô của chúng, cần có các giải pháp cấp nước chữa cháy riêng cho công trình theo các quy chuẩn hiện hành.
    - + Trụ cứu hỏa được làm bằng gang.

#### **5.7. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- a, Hệ thống thoát nước thải:
  - Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải khu vực quy hoạch dự kiến 1 trong 2 trường hợp cụ thể sau:
    - + Trường hợp 1: Giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng, hệ thống thoát nước thải khu vực chưa được đầu tư xây dựng, thì nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thấm thấu ra nền đất thông qua giếng thấm.
    - + Trường hợp 2: Giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng, hệ thống thoát nước thải khu vực đã được đầu tư xây dựng, toàn bộ nước thải từ bể tự hoại 3 ngăn sẽ được vận chuyển và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải khu vực tại các vị trí chờ đầu nối của khu vực quy hoạch.
      - Vị trí chờ đầu nối: Nằm về phía Đông Nam cuối đường N1 của khu vực quy hoạch.
      - Mạng lưới đường ống:

- + Giải pháp mạng lưới: Mạng lưới thoát nước thải bao gồm:
  - + Hệ thống thu gom: Nước thải của khu vực quy hoạch chủ yếu là nước thải sinh hoạt, sau khi qua hệ thống bể tự hoại được thu gom qua hệ thống hố ga.
  - + Hệ thống vận chuyển: Hệ thống vận chuyển được bố trí trên vỉa hè. Vận chuyển toàn bộ nước thải từ hệ thống bể tự hoại 3 ngăn ra mạng lưới đường ống vận chuyển của khu vực quy hoạch, nước thải được tập trung về vị trí thấp nhất của mạng lưới, chờ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải khu vực.
    - Bố trí mạng lưới thoát nước thải:
      - + Hệ thống thu gom bao gồm giếng thăm và giếng kiểm tra, tại các vị trí vào khu nhà ở, chứa sẵn các lỗ chờ đổ mốc ống từ các khu nhà ở vào hệ thống, tránh đục phá bừa bãi, gây mất vệ sinh khi hệ thống đi vào vận hành.
      - + Hệ thống vận chuyển dùng ống nhựa U.PVC đường kính D250; D100 (có áp), giếng kiểm tra và giếng thăm được bố trí trên hệ thống vận chuyển theo tiêu chuẩn hiện hành.
    - + Bom chìm nước thải: Trên mạng lưới hệ thống thoát nước thải khu vực quy hoạch, có bố trí 2 bom chìm trợ áp thay phiên nhau hoạt động, đặt tại ngã 3 đường D1 với đường D2, bơm nước thải lên vị trí chờ đầu nối ở cuối đường N1, công suất hoạt động của bơm là 30m<sup>3</sup>/ngđ, cột áp là 30m.
- b, Vệ sinh môi trường:
  - Mục tiêu và định hướng thiết kế:
    - + Cùng với sự phát triển và đô thị hóa, lượng chất thải rắn cũng gia tăng nhanh chóng. Quản lý lượng chất thải này là một thách thức to lớn và là một trong những dịch vụ môi trường đặc biệt quan trọng không chỉ vì chi phí cho hoạt động này rất lớn mà còn vì những lợi ích to lớn và tiềm tàng đối với sức khỏe cộng đồng, cũng như đời sống người dân.
    - + Thu gom, vận chuyển và xử lý 100% tổng lượng chất thải rắn phát sinh tại khu vực quy hoạch, trong đó ưu tiên cho việc tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp.
    - + Như vậy, để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, vấn đề quản lý chất thải rắn phải được nhìn nhận một cách tổng thể từ khâu phân loại, thu gom đến khâu xử lý, không chỉ đơn thuần là việc tổ chức xây dựng một bãi chôn lấp hợp vệ sinh cho một đô thị mà cần phải quản lý tổng hợp trên diện rộng.
      - Nguồn phát sinh chất thải rắn:
        - + Từ các khu dân cư.
        - + Từ khu cây xanh.
        - + Từ các dịch vụ đô thị.
        - + Từ các hoạt động xây dựng đô thị.

### **5.8. Bố trí cây xanh công viên và cây xanh hai bên đường:**



- Điều kiện địa chất của khu đất quy hoạch thích hợp trồng các cây, trung mộc, cây bụi thấp và cây trang trí. Cần đào hố trồng rộng và thêm đất màu trộn phân hữu cơ khi trồng.

- Đối với cây trung mộc (kích thước bầu 30x30x30cm hoặc 40x40 x40cm) như viết, osaka, cau vua, trầm bông đỏ, bàng đài loan...: Đào hố trồng kích thước 80x80x80cm hoặc 60x60x60cm, trồng lấp lèn chặt gốc bằng đất màu trộn phân hữu cơ vi sinh (1kg/gốc). Đóng cọc chống cho cây không nghiêng ngã (4 cọc/ cây). Khoảng cách 9m/cây.

- Đối với cây bụi, hoa trang trí (kích cỡ bầu từ 40x40x40cm đến 60x60x60cm) đào hố trồng kích cỡ 50x50x50cm tới 70x70x70cm, trồng lấp lèn chặt gốc bằng đất màu trộn phân hữu cơ vi sinh (0,5kg/gốc). Nếu cây cao thì dùng cọc chống (2-3 cọc/cây).

- Đối với cây trồng đường viền, đào rãnh trồng rộng 30cm, sâu 30cm, thêm đất bằng đất màu trộn phân hữu cơ vi sinh bón cho cây.

- Đối với khu vực trồng cỏ gừng (thảm cỏ), cạo bỏ lớp đất mặt sâu 10cm. Thay thế bằng đất màu trộn phân hữu cơ vi sinh.

- Cây sau khi trồng phải phát triển xanh tốt, không sâu bệnh, không chết, không nghiêng ngã.

- Chăm sóc sau trồng:

+ Đối với cây trung mộc: Tưới nước, vun bồn, làm cỏ dại, sửa cọc chống và dọn vệ sinh hàng ngày trong vòng 90 ngày kể từ ngày trồng.

+ Đối với cây bụi, hoa trang trí: Tưới nước, làm vũng giữ nước tưới, làm cỏ dại, sửa cọc chống và dọn vệ sinh hàng ngày trong vòng 60 ngày kể từ ngày trồng.

+ Đối với cây trồng đường viền: Tưới nước ngày 2 lần, làm bồn, làm cỏ dại, dọn vệ sinh hàng ngày trong 30 ngày kể từ ngày trồng.

## **6. Đánh giá môi trường chiến lược:**

### **6.1. Giải pháp kỹ thuật:**

- Giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất: Để sử dụng hợp lý tài nguyên đất và bảo vệ môi trường đất, trước hết phải lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở để giao đất cho các ngành và đối tượng sử dụng tại các địa bàn cụ thể. Nhất thiết phải có công trình xử lý nước thải, chất thải để không làm ô nhiễm môi trường đất các khu vực dân cư trong vùng.

- Giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước: Đối với các khu dân cư cần quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải khu dân cư.

+ Trong quá trình thi công xây dựng: Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường nên xây dựng nhà vệ sinh tạm để xử lý nước thải sinh hoạt. Sau quá trình san lấp mặt bằng, ưu tiên thi công và lắp đặt mạng lưới thoát nước cho Khu dân cư trước và đấu nối vào mạng lưới thoát nước chung của khu vực, để đảm bảo nước mưa chảy tràn phát sinh trong các quá trình còn lại của dự án sẽ được tách rác và

lắng cận trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, hạn chế tối đa khả năng gây ô nhiễm môi trường.

+ Khi dự án đi vào hoạt động: Mương thoát nước kín tấm đan đục lỗ: Được bố trí phía nhà liên kế trong khu vực quy hoạch, nhằm mục đích thu gom nước mưa từ mái nhà, vận chuyển ra hệ thống cống dọc theo các trục đường quy hoạch, kích thước mương 40x60cm. Cống thoát nước dọc được bố trí nằm một bên dưới lòng đường, đường kính cống D600÷D800, kết hợp với các hố thu nước dẫn nước từ lưu vực chảy ra đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực. Hệ thống thu nước ngang đường: Tại các vị trí hố ga tương ứng, bố trí hệ thống cống ngang đường D400, thu gom nước từ mặt đường thông qua hệ thống hố ga được bố trí dưới lòng đường sát mép bó vỉa. Hệ thống thoát nước mặt sử dụng cống tròn bê tông ly tâm (BTLT). Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các công trình (nhà ở, trường học, dịch vụ thương mại) được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc.

- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí:

+ Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí khu dân cư: Xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng khu dân cư hợp lý và đồng bộ kết hợp với áp dụng các biện pháp giảm phát thải bụi, thu gom rác thải và vệ sinh đường giao thông, cải tạo hệ thống giao thông vận tải thông suốt, an toàn và thuận lợi.

+ Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động giao thông:

+ Tăng cường trồng cây xanh hai bên đường, bố trí công viên hoa viên trong khu dân cư để giảm ô nhiễm không khí và giảm tiếng ồn.

+ Thực hiện các tiêu chuẩn môi trường đối với động cơ ô tô, xe máy, khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng ít độc hại.

+ Giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn: Quy hoạch sử dụng đất khu dân cư hợp lý, có xem xét đến yêu cầu chống tiếng ồn như xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ, cửa hàng ở phía mặt đường để chắn bớt tiếng ồn cho các công trình cần được yên tĩnh được bố trí bên trong.

- Giải pháp quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn:

+ Trong giai đoạn thi công xây dựng:

\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Thu gom và đưa về bãi vệ sinh để thuê các đơn vị dịch vụ môi trường công cộng thu gom, đưa về bãi xử lý chất thải rắn của khu vực;

\* Đối với các loại xà bần, gỗ,...và các vật liệu khác phát sinh trong và sau quá trình xây dựng còn có giá trị sử dụng được thu gom để tái sử dụng hoặc bán lại cho cá nhân hay đơn vị có nhu cầu (các loại xà bần dùng làm vật liệu san lấp, gỗ sử dụng làm nhiên liệu đốt hay làm giá cho các công trình xây dựng khác,...);

\* Đối với chất thải rắn là giẻ lau nhiễm dầu và một số chất độc hại khác sẽ được thu gom riêng vào thùng phuy chứa có nắp đậy kín, sau đó thuê các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy chế chất thải nguy hại.



+ Trong giai đoạn hoạt động dự án:

\* Đặt các thùng chứa rác có phân loại rác thải hữu cơ và rác vô cơ tại các lề đường, tại khu vực công viên, khu dân cư và các khu dịch vụ;

\* Hàng ngày, đội thu gom phải đưa phương tiện thu gom (xe đẩy, xe lôi,...) đến thu gom chất thải rắn đã được tập trung tại các thùng chứa;

\* Đội vệ sinh sẽ có trách nhiệm quét dọn và thu gom rác thải tại các tuyến đường nội bộ;

\* Đội vệ sinh cũng có trách nhiệm trong công tác nạo vét thu gom bùn cặn tại các hố ga trên đường thoát nước đến nơi xử lý;

\* Tất cả các loại chất thải rắn nêu trên sau khi được thu gom bằng các phương tiện vận tải nhỏ (xe đẩy tay, xe lôi, xe vận tải nhỏ khác) sẽ được tập kết vào các phương tiện vận tải lớn chuyên dụng, trước khi vận chuyển đến các bãi xử lý chất thải rắn của khu vực.

- Không chế và giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội:

+ Trong quá trình thi công xây dựng:

\* Ưu tiên sử dụng lao động địa phương vào làm việc tại công trường để tận dụng nguồn lao động nhân rỗi đồng thời góp phần tăng thu nhập cho người dân.

\* Lập rào cản cách ly giữa khu vực có dân cư sinh sống hoặc có đông dân cư qua lại với khu vực công trường, giảm tốc độ xe cộ, che chắn thùng xe có khả năng phát tán bụi,...khi vận chuyển qua khu dân cư để hạn chế các sự cố đáng tiếc ảnh hưởng đến dân cư như vấn đề tai nạn giao thông, các vấn đề ô nhiễm môi trường.

\* Chủ dự án cũng thực hiện công tác quản lý công nhân tại công trường một cách hiệu quả để giảm thiểu khả năng gây mất trật tự công cộng tại khu vực.

- Khu dân cư đi vào hoạt động:

\* Chủ yếu đem lại lợi ích về kinh tế xã hội cho khu vực thể hiện ở việc ổn định cuộc sống cho người dân. Sự hình thành và hoạt động của khu dân cư kéo theo một loạt các dịch vụ khác phát triển theo góp phần quan trọng vào việc đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá tại khu vực, nâng cao cuộc sống của người dân.

\* Tuy nhiên sự tập trung một số lượng lớn dân cư tại khu vực nếu không có phương án quản lý hiệu quả sẽ dễ phát sinh các tệ nạn xã hội, các vấn đề mất trật tự an ninh xã hội, tai nạn giao thông,...ảnh hưởng đến kinh tế xã hội của khu vực.

\* Nắm được vấn đề này, chủ dự án phải có định hướng phối hợp với chính quyền địa phương để thường xuyên theo dõi, giám sát các hoạt động thiếu lành mạnh diễn ra trong khu dân cư như vấn đề sử dụng ma túy, bài bạc,...để xử lý kịp thời tránh tình trạng để lâu gây ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần và cuộc sống người dân.

## **6.2 Các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường:**

- Trước khi đi vào san lấp xây dựng công trình, lập rào chắn tại các khu vực có dân cư qua lại, khu vực tiếp giáp với đường giao thông để hạn chế tối đa các khả năng xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

- Lập Ban an toàn lao động tại công trường và cử người chuyên trách; xây dựng, ban hành và buộc công nhân viên tại công trường phải thực hiện nghiêm túc các nội quy làm việc tại công trường.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết cho công nhân tại công trường.

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, phát hiện và có phương án ứng cứu, khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo sức khoẻ và tính mạng cho công nhân tại công trường và tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Định kỳ bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường. Giáo dục môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

- Bổ sung nguồn kinh phí cho các hoạt động quản lý môi trường trên nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, đồng thời tiến hành xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường trên cả hai khía cạnh quyền lợi và trách nhiệm.

- Xây dựng mạng lưới giám sát môi trường nhằm cung cấp thông tin môi trường kịp thời và chính xác tới các cơ quan có thẩm quyền chuyên trách.

- Phòng ngừa úng ngập, sạt lở; tăng cường hỗ trợ thực hiện vệ sinh môi trường khu dân cư.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí phù hợp trong khu dân cư và trong các công trình công cộng. Quy mô và thiết bị được bố trí đáp ứng các quy định của Nhà nước về an toàn phòng cháy và được cơ quan chức năng kiểm tra, chấp thuận.

### 6.3. Kết luận:

Kết quả đánh giá các tác động môi trường của đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thôn 13, xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp cho thấy tác động tiêu cực của đề án quy hoạch đến môi trường không đáng kể và hoàn toàn có thể kiểm soát được nếu thực hiện đầy đủ các giải pháp đã đưa ra trong đề án quy hoạch.

### 7. Tổng hợp kinh phí đầu tư:

*DVT: Đồng*

TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		
STT	HẠNG MỤC	THÀNH TIỀN
1	HỆ THỐNG GIAO THÔNG	7.176.933.400
2	SAN NỀN	3.547.965.000
3	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	4.062.000.000
4	HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN	10.125.446.400
5	HỆ THỐNG THÔNG TIN	1.592.470.000
6	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT VÀ PCCC	7.189.256.000
7	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	408.835.000
8	VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	3.780.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>34.106.685.800</b>



**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp phối hợp các đơn vị liên quan:

- Tổ chức cắm mốc ranh quy hoạch, công bố công khai nội dung quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định này để các tổ chức đơn vị và nhân dân biết thực hiện theo đúng quy hoạch.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý giám sát việc đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch được phê duyệt đảm bảo đúng pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất, Giám đốc kho bạc Nhà nước huyện Đắk R'lấp, Chủ tịch UBND xã Đắk Wer, Giám đốc Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV, Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Ngọc Việt và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Sở xây dựng;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quang Tứ**